

## Báo cáo ngành Ngân hàng

### Từng bước tiến gần tới chuẩn mực Basel III

- Ngày 29/4/2026, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) lấy ý kiến đóng góp của các ngân hàng liên quan tới việc sửa đổi Thông tư 22/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng.
- Các thay đổi chính gồm thay tỷ lệ LDR bằng CDR, bổ sung LCR/NSFR từ năm 2028 và thêm tỷ lệ đòn bẩy LEV. Chúng tôi cho rằng dự thảo tích cực cho an toàn hệ thống trong dài hạn, nhưng có thể tạo áp lực huy động, chi phí vốn và tăng trưởng tín dụng trong giai đoạn chuyển tiếp.

#### Chuyên viên phân tích

Hà Thu Hiền

Chuyên viên phân tích

hienht1@vpbanks.com.vn

#### Tỷ lệ CDR tạo áp lực ngắn hạn nhưng cần thiết để phản ánh đúng nguồn vốn huy động

Việc thay LDR bằng CDR là thay đổi có tác động trực tiếp nhất trong ngắn hạn. CDR mở rộng tử số từ dư nợ cho vay sang dư nợ cấp tín dụng, đồng thời loại trừ các nguồn vốn kém ổn định hơn như tiền gửi liên ngân hàng và giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng khác nắm giữ khỏi mẫu số. Theo ước tính của chúng tôi, phần lớn ngân hàng trong phạm vi theo dõi sẽ có CDR cao hơn ngưỡng 85%, ngoại trừ HDB. Do đó, nếu áp dụng ngay, quy định này có thể tạo áp lực tăng huy động tiền gửi khách hàng, phát hành giấy tờ có giá dài hạn hoặc kiểm soát tốc độ tăng trưởng tín dụng. Áp lực cạnh tranh huy động có thể khiến chi phí vốn tăng nhanh hơn lợi suất tài sản, qua đó gây sức ép lên NIM trong giai đoạn chuyển tiếp. Tuy nhiên, về dài hạn, CDR giúp hạn chế việc tài trợ tín dụng bằng nguồn vốn ngắn hạn/kém bền vững, qua đó cải thiện kỷ luật thanh khoản của hệ thống.

#### Tỷ lệ LCR và NSFR: Nâng chuẩn quản lý thanh khoản và cơ cấu nguồn vốn

LCR và NSFR là hai chỉ tiêu cốt lõi giúp nâng chuẩn quản lý thanh khoản theo Basel III. LCR thay thế nhóm tỷ lệ thanh khoản ngắn hạn hiện hành bằng cách đánh giá khả năng đáp ứng dòng tiền ra trong kịch bản căng thẳng 30 ngày, trong khi NSFR thay thế tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn bằng khung đo lường độ ổn định của nguồn vốn so với cấu trúc tài sản. Chúng tôi đánh giá lộ trình áp dụng từ năm 2028 là hợp lý, giúp các ngân hàng có thời gian tăng tài sản thanh khoản chất lượng cao, kéo dài kỳ hạn huy động và cải thiện năng lực quản trị tài sản – nguồn vốn. Tuy nhiên, NSFR cũng có thể tạo áp lực lên NIM do ngân hàng cần tăng huy động kỳ hạn dài, phát hành giấy tờ có giá dài hạn hoặc kiểm soát cho vay trung dài hạn, trong khi đây thường là nhóm tài sản có lợi suất cao hơn. Cơ chế miễn tuân thủ CDR đối với ngân hàng đạt LCR và NSFR trên 100% cũng là động lực để các ngân hàng đẩy nhanh áp dụng chuẩn Basel III.

#### Tỷ lệ LEV: Hàng rào bổ sung để kiểm soát tăng trưởng bằng cân đối

LEV được bổ sung như hàng rào an toàn thứ hai bên cạnh CAR. Khác với CAR, LEV không điều chỉnh theo trọng số rủi ro, qua đó hạn chế trường hợp ngân hàng mở rộng tổng tài sản quá nhanh nhưng CAR vẫn duy trì ở mức cao nhờ cơ cấu tài sản có hệ số rủi ro thấp. Theo dự thảo, LEV tối thiểu là 3%, trong khi các ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống phải duy trì mức cao hơn. NHNN có thể quyết định áp dụng hoặc chưa áp dụng tỷ lệ LEV trong từng thời kỳ, tùy theo điều kiện hệ thống và yêu cầu giám sát an toàn vốn. Chúng tôi cho rằng LEV chưa tạo áp lực lớn trong ngắn hạn do mức tối thiểu 3% tương đối thấp. Tuy nhiên, trong dài hạn, chỉ tiêu này sẽ tăng kỷ luật vốn và hạn chế mô hình tăng trưởng dựa quá nhiều vào mở rộng bảng cân đối.

## Dự thảo thông tư: Theo sát chuẩn mực quốc tế

### Những thay đổi chính trong dự thảo thông tư

Hình 1: Các tỷ lệ thanh khoản mới được đưa vào thay thế thông tư cũ

Nội dung	Thông tư 22/2019	Dự thảo Thông tư mới	Thay đổi
<b>I. TỶ LỆ DƯ NỢ / HUY ĐỘNG VỐN (CDR)</b>			
Tên tỷ lệ	LDR: Dư nợ cho vay / Tổng tiền gửi (tính cả tiền gửi liên ngân hàng)	CDR: Dư nợ cấp tín dụng/ Huy động vốn thị trường 1	<b>Thay thế</b>
Dư nợ tín dụng	Chỉ dư nợ cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng – không gồm đầu tư trái phiếu doanh nghiệp (TPDN)	Mở rộng: cho vay khách hàng + đầu tư TPDN + ủy thác cấp tín dụng + một số hình thức mua bán nợ - Vốn chủ sở hữu (không bao gồm giá trị nguyên giá TSCĐ, góp vốn mua cổ phần, lãi dự thu)	<b>Sửa đổi</b>
Nguồn vốn huy động	Tổng tiền gửi khách hàng kèm tiền gửi liên ngân hàng và Chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu ngân hàng phát hành.	Không bao gồm tiền gửi liên ngân hàng và cộng thêm 20% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước.	<b>Sửa đổi</b>
Mức trần tối đa	85%	85%	<b>Giữ nguyên</b>
<b>II. TỶ LỆ THANH KHOẢN NGẮN HẠN</b>			
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	Tài sản có tính thanh khoản cao (HQLA) / Tổng Nợ phải trả, quy định tỷ lệ tối thiểu 10%	Thay bằng LCR từ 2028	<b>Thay thế</b>
Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày (VND)	HQLA / Dòng tiền ra ròng 30 ngày, quy định tỷ lệ tối thiểu 50%		
Tỷ lệ khả năng chi trả 30 ngày (Ngoại tệ)	Quy định tỷ lệ tối thiểu với Ngân hàng thương mại là 10%, Chi nhánh NH nước ngoài và NH hợp tác xã là 5%.	Tích hợp vào LCR	<b>Thay thế</b>
Tỷ lệ khả năng chi trả (LCR)	Không có	HQLA / Dòng tiền ra ròng 30 ngày, quy định tỷ lệ tối thiểu tăng dần từ 70% trong 2028 lên mức 100% trong 2031.	<b>Thêm mới</b>
<b>III. TỶ LỆ NGUỒN VỐN ỔN ĐỊNH</b>			
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn	Vốn ngắn hạn dùng để cho vay trung dài hạn / Tổng vốn ngắn hạn, quy định tỷ lệ tối thiểu 30%	Thay bằng NSFR từ 2028	<b>Thay thế</b>
Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR)	Không có	Nguồn vốn ổn định sẵn có / Nguồn vốn ổn định yêu cầu, quy định tỷ lệ tối thiểu tăng dần từ 90% trong 2028 lên mức 100% trong 2031.	<b>Thêm mới</b>
<b>IV. TỶ LỆ ĐÒN BẢY</b>			
Tỷ lệ đòn bẩy LEV	Không có	Vốn cấp 1 / Tổng tài sản đòn bẩy, quy định tỷ lệ tối thiểu huy động tiền gửi khách hàng là 3%. Đối với ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống, tỷ lệ LEV tối thiểu là 3% + 50% x bộ đệm hệ	<b>Thêm mới</b>

		thống. DTTT chưa đưa ra thời gian áp dụng LEV cụ thể.	
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	Quy định trong TT 22/2019	Tách riêng: TT 41/2016 (Basel II) và TT 14/2025 (Basel III). Dự thảo thông tư không quy định CAR	<b>Giữ nguyên</b>

Nguồn: NHNN, VPBankS Research

Ngày 29/4/2026, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) lấy ý kiến đóng góp của các ngân hàng liên quan tới việc sửa đổi Thông tư 22/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng. Trong đó, dự thảo xây dựng các cơ chế vận hành theo tiêu chuẩn Basel III bao gồm:

- Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng so với huy động vốn (CDR) thay thế cho LDR nhằm phản ánh rủi ro tốt hơn do bao gồm khoản mục đầu tư trái phiếu vốn là dạng cấp tín dụng có rủi ro. Bên cạnh đó, CDR cũng không tính đến tiền gửi liên ngân hàng, tập trung vào phản ánh đúng tình trạng huy động vốn trên thị trường 1.
- Tỷ lệ khả năng chi trả (LCR) là chỉ tiêu nâng cấp thay thế nhóm tỷ lệ thanh khoản ngắn hạn hiện hành, bao gồm tỷ lệ dự trữ thanh khoản và tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày. So với cách tính cũ, LCR theo Basel III đánh giá tốt hơn khả năng chống chịu áp lực thanh khoản của ngân hàng với kịch bản căng thẳng trong 30 ngày thông qua việc phân loại HQLA và áp dụng hệ số dòng tiền vào/ra theo mức độ rủi ro.
- Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) sử dụng thay thế cho Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn, là chỉ tiêu đánh giá toàn diện và nhạy cảm với rủi ro hơn. Tỷ lệ cũ chủ yếu kiểm soát chênh lệch kỳ hạn theo hợp đồng, trong khi NSFR đánh giá đồng thời tính ổn định của nguồn vốn và tính thanh khoản/rủi ro của tài sản. Do đó, NSFR không chỉ hạn chế cho vay trung dài hạn bằng nguồn vốn ngắn hạn, mà còn khuyến khích ngân hàng tăng vốn ổn định, tiền gửi bán lẻ, giấy tờ có giá dài hạn và tài sản thanh khoản cao hơn.
- Tỷ lệ đòn bẩy LEV tạo một “hàng rào an toàn” bổ sung cho CAR, nhằm hạn chế việc ngân hàng tăng tổng tài sản quá nhanh so với vốn.

**Hình 2: Lộ trình áp dụng**

	2026	2027	2028	2029	2030	2031
Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng so với huy động vốn (CDR)	Quy định tối đa 85% và được miễn tuân thủ nếu Ngân hàng đạt cả LCR $\geq$ 100% và NSFR $\geq$ 100%					
Tỷ lệ khả năng chi trả (LCR)			70%	80%	90%	100%
Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR)			90%	95%	100%	100%
Tỷ lệ đòn bẩy (LEV)	Quy định tối thiểu 3%, chưa có thời gian áp dụng cụ thể					

Nguồn: NHNN, VPBankS Research

## Tỷ lệ dư nợ cấp tín dụng so với huy động vốn (CDR)

### Tỷ lệ CDR sẽ thay thế LDR trong giai đoạn chuyển tiếp

Dự thảo thông tư mới để cập đến tỷ lệ CDR mang tính thay thế cho tỷ lệ LDR trong thông tư 22/2019/TT-NHNN thắt chặt kiểm soát thanh khoản và phản ánh rõ hơn tình trạng huy động vốn trên thị trường 1. So với LDR, CDR mở rộng tử số từ dư nợ cho vay sang dư nợ cấp tín dụng, bao gồm cả trái phiếu doanh nghiệp và một số khoản cấp tín dụng khác; đồng thời siết mẫu số khi loại trừ tiền gửi liên ngân hàng và giấy tờ có giá nắm giữ chéo bởi các tổ chức tín dụng và ngân hàng khác khỏi cơ sở huy động. Dự thảo cũng cho phép trừ một phần vốn chủ sở hữu khỏi tử số và tính 20% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước vào mẫu số. Tuy nhiên chúng tôi cho rằng tác động giảm tỷ lệ này nhìn chung không đủ bù lại việc loại trừ nguồn vốn liên ngân hàng.

**Hình 3: So sánh tỷ lệ LDR và CDR**

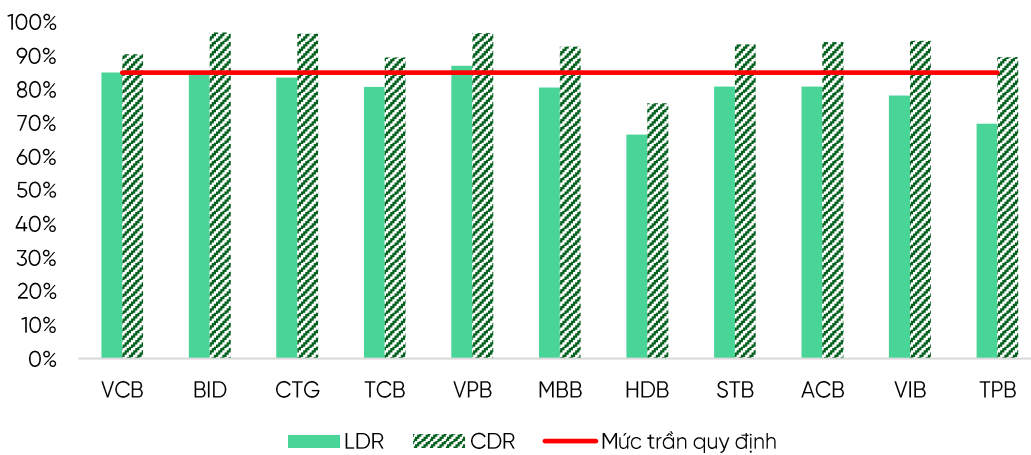
Mục	LDR	CDR	Tác động chỉ số	Chú thích
<b>Tử số</b>				
(+) Cho vay khách hàng	✓	✓		
(+) Ủy thác cho tổ chức tín dụng	✓	✓		
(+) Đầu tư trái phiếu DN	X	✓	Tăng tỷ lệ	CDR phản ánh rủi ro thực chất hơn trong hoạt động cấp tín dụng của ngân hàng khi bao gồm khoản mục Đầu tư TPDN vào tử số. Dựa trên dữ liệu 11 ngân hàng trong phạm vi phân tích, chúng tôi ước tính thay đổi này có thể tác động làm tăng tử số lên 1.2%. Theo đó, ngân hàng có danh mục TPDN lớn sẽ kéo theo CDR tăng và có thể phải tái cơ cấu lại tài sản.
(-) Vốn vay nước ngoài	✓	✓		
(-) Số dư tái cấp vốn của NHNN	✓	✓		
(-) Vốn chủ sở hữu (trừ đi nguyên giá tài sản cố định, góp vốn mua cổ phần, lãi dự thu)	X	✓	Giảm tỷ lệ	Chúng tôi cho rằng điều chỉnh này là hợp lý do vốn chủ sở hữu là nguồn vốn ổn định hỗ trợ hoạt động tín dụng của ngân hàng. Ngân hàng có vốn chủ sở hữu mạnh sẽ hưởng lợi từ phần được trừ và có thêm dư địa cho vay, ít chịu áp lực huy động. Dựa trên dữ liệu 11 ngân hàng trong phạm vi phân tích, chúng tôi ước tính thay đổi này có thể tác động làm giảm tử số khoảng 10.4%.
<b>Mẫu số</b>				
(+) Tiền gửi khách hàng	✓	✓		
(+) Huy động từ phát hành trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi	✓	✓		
(+) Nguồn vốn ủy thác cấp tín dụng của Chính phủ	X	✓	Giảm tỷ lệ	Dự thảo thông tư mới thắt chặt hơn về các tình nguồn vốn huy động, loại bỏ tiền gửi liên ngân hàng khỏi mẫu số, tập trung vào vốn huy động bền vững. Dựa trên dữ liệu 11 ngân hàng trong phạm vi phân tích, chúng tôi ước tính tiền gửi liên ngân hàng chiếm khoảng 17.8% tổng nguồn vốn huy động (bao gồm tiền gửi khách hàng, giấy tờ có giá, tiền gửi liên ngân hàng).
(+) Tiền gửi liên ngân hàng	✓	X	Tăng tỷ lệ	
(+) 20% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước	✓	✓		Ngày 15/5/2026, NHNN đã ra thông tư bổ sung 20% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc nhà nước vào công thức tính LDR. Chúng tôi đánh giá điều này có tác động tích cực chủ yếu đến các ngân hàng có vốn nhà nước.
(-) Tiền ký quỹ và tiền gửi vốn chuyên dùng của khách hàng	✓	✓		
(-) Tiền huy động từ phát hành trái phiếu do tổ chức tín dụng khác nắm giữ	X	✓	Tăng tỷ lệ	Tiền huy động từ phát hành trái phiếu do ngân hàng phát hành nhưng được tổ chức tín dụng khác nắm giữ cũng bị loại bỏ khỏi mẫu số. Chúng tôi ước tính chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu nắm giữ chéo bởi các tổ chức tín dụng khác chiếm khoảng 50% tổng nguồn huy động này.

Việc thay thế LDR bằng CDR cho thấy NHNN đang chuyển từ cách kiểm soát thanh khoản dựa trên “cho vay/huy động” sang cách nhìn rộng hơn về “cấp tín dụng/huy động vốn thực chất”. Chúng tôi cho rằng đây là bước tăng cường quản trị các chỉ tiêu nội địa trong giai đoạn chuyển tiếp, trước khi hệ thống tiến tới quản lý thanh khoản theo LCR/NSFR (Basel III) đầy đủ hơn. LDR/CDR không nằm trong tiêu chuẩn Basel III bắt buộc, tuy nhiên các tỷ lệ tương tự LDR vẫn được một số quốc gia sử dụng để kiểm soát tăng trưởng tín dụng so với nền vốn huy động. Ví dụ, Trung Quốc từng áp trần LDR 75% trước khi bãi bỏ vào năm 2015 khi chuyển dần sang khung quản lý thanh khoản Basel III. Trong khi đó, Indonesia hiện vẫn sử dụng Macroprudential Intermediation Ratio được tính bằng (cho vay + chứng khoán doanh nghiệp ngân hàng nắm giữ) / (tiền gửi bên khách hàng + giấy tờ có giá + khoản vay nhận được), với quy định khoảng mục tiêu 84–94% để cân bằng mục tiêu trung gian tài chính và ổn định hệ thống.

**Tác động đến ngành ngân hàng**

Trong ngắn hạn, việc thay LDR bằng CDR sẽ tạo áp lực thanh khoản rõ hơn cho hệ thống ngân hàng do cách tính mới chặt chẽ hơn. CDR sẽ phản ánh thực chất hơn mức độ tài trợ tín dụng bằng nguồn vốn huy động ổn định, thay vì cho phép ngân hàng cải thiện tỷ lệ bằng các nguồn vốn huy động trên thị trường liên ngân hàng. Vì vậy, nhiều ngân hàng có thể phải tăng huy động tiền gửi khách hàng, phát hành giấy tờ có giá dài hạn hoặc kiểm soát tốc độ tăng tín dụng, qua đó tạo áp lực lên chi phí vốn và NIM trong giai đoạn chuyển tiếp. Tuy nhiên, về dài hạn, thay đổi này tích cực cho an toàn hệ thống vì buộc ngân hàng giảm phụ thuộc vào nguồn vốn ngắn hạn/kém bền vững. Điểm đáng chú ý là cơ chế miễn tuân thủ CDR nếu ngân hàng đạt LCR và NSFR trên 100% sẽ tạo động lực để các ngân hàng đẩy nhanh áp dụng Basel III. Chúng tôi cho rằng CDR đóng vai trò là “bộ lọc chuyển tiếp”, trong khi LCR/NSFR là đích đến dài hạn của khung quản lý thanh khoản.

**Hình 4: Ước tính tỷ lệ CDR của 11 ngân hàng trong phạm vi phân tích**



\*Dữ liệu BCTC riêng lẻ  
Nguồn: Fiinpro, VPBankS Research

Chúng tôi cho rằng, tác động của CDR sẽ phân hóa khá rõ giữa các nhóm ngân hàng:

- Nhóm chịu áp lực lớn nhất là các ngân hàng có CDR cao, phụ thuộc nhiều vào vốn liên ngân hàng, giấy tờ có giá nắm giữ chéo hoặc có danh mục cấp tín dụng ngoài cho vay lớn.
- Nhóm ngân hàng có vốn chủ sở hữu dày sẽ có lợi thế hơn, do CDR cho phép trừ một phần vốn chủ sở hữu đủ điều kiện khỏi tử số, qua đó giảm áp lực phải tăng huy động để tài trợ cho cùng một quy mô tín dụng.
- Nhóm có nền tiền gửi khách hàng ổn định, CASA tốt và ít phụ thuộc vốn liên ngân hàng cũng ít chịu áp lực hơn vì mẫu số không bị co lại quá mạnh.

## Tỷ lệ LCR và NSFR: Lộ trình tiến gần chuẩn mực Basel III

### Tỷ lệ khả năng chi trả (LCR)

LCR là tỷ lệ bao phủ thanh khoản, đo lường khả năng ngân hàng dùng tài sản thanh khoản chất lượng cao để đáp ứng dòng tiền ra ròng trong kịch bản 30 ngày căng thẳng. So với hai tỷ lệ hiện hành trong Thông tư 22/2019/TT-NHNN gồm tỷ lệ dự trữ thanh khoản và tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày, LCR có mức độ phản ánh rủi ro thực chất hơn khi không chỉ xem xét quy mô tài sản thanh khoản, mà còn đánh giá chất lượng tài sản có tính thanh khoản cao (HQLA), hành vi rút tiền của từng nhóm nguồn vốn (khách hàng cá nhân, doanh nghiệp, liên ngân hàng) và dòng tiền vào/ra trong kịch bản căng thẳng thanh khoản 30 ngày. Theo đó, ngân hàng có tỷ trọng tiền gửi bán lẻ ổn định, ít phụ thuộc vốn liên ngân hàng và nắm giữ nhiều tài sản thanh khoản chất lượng cao sẽ có lợi thế hơn. Chúng tôi cho rằng lộ trình áp dụng từ 70% năm 2028 lên 100% từ năm 2031 là tương đối phù hợp, giúp các ngân hàng có thời gian tăng bộ đệm HQLA, điều chỉnh cơ cấu huy động và nâng cấp hệ thống quản trị tài sản – nguồn vốn trước khi tuân thủ đầy đủ theo chuẩn Basel III.

### Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) thay thế tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn bằng khung đo ổn định nguồn vốn toàn diện hơn

NSFR là tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng, được tính bằng nguồn vốn ổn định sẵn có / nguồn vốn ổn định yêu cầu. Trong dự thảo thông tư mới, chỉ tiêu này thay thế tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn hiện hành. Chúng tôi cho rằng việc áp dụng tỷ lệ NSFR thay cho tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn giúp khung quản lý rủi ro kỳ hạn trở nên toàn diện hơn. Tỷ lệ hiện hành chủ yếu đo lường mức độ sử dụng nguồn vốn ngắn hạn để tài trợ cho vay trung dài hạn dựa trên kỳ hạn hợp đồng, trong khi NSFR đánh giá đồng thời cả độ ổn định của nguồn vốn và mức độ cần vốn ổn định của tài sản. Theo đó, vốn chủ sở hữu, tiền gửi bán lẻ ổn định và giấy tờ có giá dài hạn được đánh giá tích cực hơn, trong khi nguồn vốn doanh nghiệp ngắn hạn hoặc liên ngân hàng có hệ số ổn định thấp hơn. Ở phía tài sản, cho vay trung dài hạn, tài sản kém thanh khoản hoặc rủi ro cao sẽ yêu cầu nhiều nguồn vốn ổn định hơn so với tiền mặt, trái phiếu Chính phủ hoặc cho vay ngắn hạn. Lộ trình yêu cầu tỷ lệ NSFR tối thiểu 90% trong năm 2028, 95% năm 2029 và 100% từ năm 2030 giúp giảm rủi ro điều chỉnh đột ngột, đồng thời khuyến khích các ngân hàng từng bước kéo dài kỳ hạn huy động, tăng tỷ trọng vốn ổn định và kiểm soát tăng trưởng tài sản dài hạn.

### Hình 5: Phân tích tác động

Yếu tố	Quy định trong dự thảo	Tác động đến ngân hàng
<b>I. Tỷ lệ khả năng chi trả (LCR)</b>		
HQLA cấp 1 (tiền mặt, tiền gửi tại NHNN, Trái phiếu chính phủ) được tính với chất lượng thanh khoản cao nhất	Tài sản cấp 1 như tiền mặt, dự trữ tại NHNN, công cụ nợ Chính phủ/NHNN đủ điều kiện được tính hệ số thanh khoản 100%	Nhóm NHTM có vốn nhà nước, đặc biệt các NH có danh mục TPCP lớn và thanh khoản dồi dào
Hệ số dòng tiền ra của tiền gửi bán lẻ/DN nhỏ và vừa thấp hơn tiền gửi doanh nghiệp và liên ngân hàng	Hệ số dòng tiền ra của tiền gửi cá nhân/DNNVV khoảng 5–40%, thấp hơn tiền gửi doanh nghiệp khoảng 40–50% và nguồn vốn liên ngân hàng 100%.	Ngân hàng có nền huy động cá nhân mạnh sẽ có dòng tiền ra ròng thấp hơn, qua đó cải thiện LCR. Nhóm ngân hàng có tỷ lệ tiền gửi cá nhân/DN nhỏ và vừa cao như VIB (62.4%), MBB (59.7%) sẽ có lợi thế hơn.
Dòng tiền vào bị khống chế, không được phụ thuộc quá	Dòng tiền vào trong 30 ngày bị giới hạn tối đa bằng 75% dòng tiền ra	Ngân hàng không thể chỉ dựa vào giả định khách hàng trả nợ trong 30 ngày,

nhiều vào giá định thu nợ trong 30 ngày		mà vẫn phải duy trì tài sản thanh khoản thực chất
Cam kết tín dụng/hạn mức chưa giải ngân có thể tạo dòng tiền ra tiềm tàng	Hạn mức tín dụng đã cam kết nhưng chưa giải ngân có hệ số dòng tiền ra 5–100% theo từng đối tượng khách hàng cụ thể	Ngân hàng có quy mô cam kết ngoại bảng lớn cần duy trì thanh khoản ngắn hạn thận trọng hơn
<b>II. Tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR)</b>		
Vốn chủ sở hữu và nguồn vốn dài hạn được đánh giá ổn định nhất	Vốn điều lệ theo quy định và các khoản huy động có kỳ hạn từ 1 năm trở lên được tính hệ số ổn định 100%.	Ngân hàng có vốn chủ sở hữu dày hoặc phát hành được trái phiếu/chứng chỉ tiền gửi dài hạn sẽ dễ đáp ứng NSFR hơn
Tiền gửi ngắn hạn của khách hàng cá nhân/DNNVV có hệ số ổn định cao hơn tiền gửi ngắn hạn của khách hàng doanh nghiệp và liên ngân hàng	Tiền gửi cá nhân và DNNVV dưới 1 năm được tính hệ số 90–95%, trong khi tiền gửi doanh nghiệp dưới 1 năm chỉ 50%; các nguồn vốn không thuộc nhóm ổn định có thể bị tính 0%.	Ngân hàng bán lẻ có lợi thế vì nguồn tiền gửi được xem là bền hơn; Ngân hàng phụ thuộc tiền gửi doanh nghiệp lớn hoặc liên ngân hàng chịu áp lực hơn
Cho vay ngắn hạn cần ít nguồn vốn ổn định hơn cho vay dài hạn	Cho vay và tài sản ngắn hạn dưới 1 năm có hệ số yêu cầu vốn ổn định khoảng 50%; cho vay từ 1 năm trở lên có hệ số 65% nếu rủi ro thấp, và 85% nếu rủi ro cao hơn	Ngân hàng có tỷ trọng cho vay trung dài hạn cao sẽ cần tăng nguồn vốn ổn định, như tiền gửi dài hạn, trái phiếu hoặc vốn chủ sở hữu
Cam kết ngoại bảng cũng được tính vào nhu cầu vốn ổn định	Hạn mức tín dụng chưa giải ngân không hủy ngang/hủy ngang có điều kiện bị tính 5% phần chưa giải ngân; các cam kết ngoại bảng khác tính 1%	NH có ngoại bảng lớn sẽ phải duy trì thêm nguồn vốn ổn định, không chỉ nhìn vào tài sản nội bảng

Nguồn: NHNN, VPBankS Research

## Tỷ lệ đòn bẩy (LEV): Hàng rào bổ sung cho hệ số CAR

Tỷ lệ đòn bẩy LEV được bổ sung nhằm kiểm soát tốc độ mở rộng bảng cân đối của ngân hàng so với vốn lõi cấp 1, đóng vai trò là lớp bảo vệ bổ sung cho hệ số an toàn vốn CAR. Khác với CAR, vốn dựa trên tài sản có trọng số rủi ro, LEV không điều chỉnh theo mức độ rủi ro của tài sản. Do đó, kể cả các tài sản có hệ số rủi ro thấp như trái phiếu Chính phủ hoặc cho vay có tài sản bảo đảm vẫn được phản ánh trong mẫu số khi tính tỷ lệ đòn bẩy. Cách tiếp cận này giúp hạn chế trường hợp ngân hàng mở rộng tổng tài sản quá nhanh nhưng CAR vẫn duy trì ở mức cao nhờ cơ cấu tài sản có hệ số rủi ro thấp. Theo dự thảo, LEV tối thiểu là 3%, trong khi các ngân hàng có tầm quan trọng hệ thống phải duy trì mức cao hơn, bằng 3% cộng thêm 50% phần đệm vốn. NHNN có thể quyết định áp dụng hoặc chưa áp dụng tỷ lệ LEV trong từng thời kỳ, tùy theo điều kiện hệ thống và yêu cầu giám sát an toàn vốn.

Chúng tôi cho rằng LEV chưa tạo áp lực lớn trong ngắn hạn do mức tối thiểu 3% tương đối thấp so với nền vốn hiện tại của phần lớn ngân hàng. Tuy nhiên, trong trung và dài hạn, chỉ tiêu này sẽ khiến tăng trưởng quy mô tài sản gắn chặt hơn với năng lực tạo vốn. Các ngân hàng có ROA cao sẽ có nhiều dư địa mở rộng bảng cân đối hơn nhờ khả năng tạo lợi nhuận và giữ lại vốn tốt hơn. Ngược lại, các ngân hàng có ROA thấp nhưng tăng trưởng tài sản nhanh có thể phải đối mặt với áp lực tăng vốn, giảm chia cổ tức hoặc kiểm soát lại tốc độ tăng trưởng để duy trì LEV trên ngưỡng yêu cầu.

## **TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM**

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Các nhận định, khuyến nghị, so sánh trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn trọng, theo đánh giá chủ quan của người lập là hợp lý tại thời điểm thực hiện báo cáo. Do đó các phân tích này có thể thay đổi trong tương lai theo tình hình biến động thực tế mà chúng tôi không có trách nhiệm tự động cập nhật liên tục, trừ trường hợp được yêu cầu chính thức từ Ban lãnh đạo Công ty hoặc ràng buộc trong các điều khoản điều kiện của hợp đồng kinh tế đã được công ty ký kết với các đối tác liên quan.

Báo cáo phân tích, định giá này nhằm mục đích tham khảo và không có giá trị pháp lý như một chứng thư thẩm định giá. Báo cáo phân tích này và các tài liệu đi kèm được lập bởi Phòng Phân Tích Ngành và Cổ phiếu – CTCP Chứng Khoán VPBank, tất cả các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến báo cáo này đều thuộc sở hữu của CTCP Chứng khoán VPBank. Công ty nghiêm cấm mọi việc sử dụng, in ấn, sao chép, tái xuất bản toàn bộ hoặc từng phần bản Báo cáo này vì bất cứ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty.

### **Công ty cổ phần Chứng khoán VPBank**

Tầng 21 và 25, VPBANK Tower, 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: [cskh@vpbanks.com.vn](mailto:cskh@vpbanks.com.vn)

Website: [www.vpbanks.com.vn](http://www.vpbanks.com.vn)

### **Phòng Phân tích Ngành và Cổ phiếu**

Email: [equityresearch@vpbanks.com.vn](mailto:equityresearch@vpbanks.com.vn)